

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 872/2025/DS-ST

Ngày: 19/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tống Nguyễn Diễm Chi

Ông Nguyễn Hữu Chức

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 306/2025/TLST-DS ngày 09/4/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2025/QĐST-DS ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phạm Thành N, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 03/7/2024) (*có đơn xin vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn L (*Có mặt*)

Địa chỉ: 8 N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) trình bày:

Ngày 08/12/2022, Công ty T (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số 4035462 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Lê Tấn L với khoản vay trị giá 53.850.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Lê Tấn L. Theo Hợp

đồng tín dụng, ông Lê Tấn L có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 2.885.935 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 21/12/2023 ông Lê Tấn L đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Lê Tấn L thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Lê Tấn L biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Lê Tấn L vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Công ty T khởi kiện yêu cầu ông Lê Tấn L trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, buộc ông Lê Tấn L thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là: 71.430.210 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 45.745.312 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.684.898 đồng, tiền lãi quá hạn là 0 đồng, tiền lãi chậm trả là 0 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Tấn L có mặt và xác nhận khoản nợ như trên nhưng do đang khó khăn, không có khả năng trả 1 lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Lê Tấn L có nơi cư trú tại Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Lê Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4035462 ngày 08/12/2022 của Công ty T (Việt Nam), Công ty T đã cấp tín dụng cho ông Lê Tấn L số tiền 53.850.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng vay, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 4035462 ngày 08/12/2022. Vì ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 71.430.210 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 45.745.312 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.684.898 đồng, tiền lãi quá hạn là 0 đồng, tiền lãi chậm trả là 0 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 và 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, ông L còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4035462 ngày 08/12/2022.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, thì ông Lê Tấn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam):

Buộc ông Lê Tấn L phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 71.430.210 (*Bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi ngàn hai trăm mười*) đồng. Trong đó: Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 45.745.312 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.684.898 đồng, tiền

lãi quá hạn là 0 đồng, tiền lãi chậm trả là 0 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4035462 ngày 08/12/2022 giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Lê Tấn L.

2. Về án phí:

- Ông Lê Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.571.511 (*Ba triệu năm trăm bảy mươi một ngàn năm trăm mười một*) đồng.

- H lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty T (Việt Nam) đã nộp là 1.322.000 (*Một triệu ba trăm hai mươi hai ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0055447 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Tấn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T (Việt Nam) thì lãi suất mà ông Lê Tấn L phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T (Việt Nam).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út